TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm.

Ông Lý Thanh Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Hồng Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Tố M, sinh năm 1993; cư trú tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985; cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Tố M trình bày:

Vào ngày 01 tháng 4 năm 2013, chị Lê Thị Tố M và anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số I/2013, là hôn nhân tự nguyện. Đến ngày 10 tháng 4 năm 2013, chị M và anh N tổ chức lễ cưới, sau khi cưới anh,

chị sống tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Trong khoảng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến ngày 05 tháng 6 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và chị M bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay.

Trong thời gian chung sống, chị M và anh N không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Nay chị Lê Thị Tố M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tố M yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 260/TB-TLVA ngày 25 tháng 6 năm 2019, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Văn N, nhưng anh N không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị M. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với anh N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh N trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn mâu thuẫn do không hợp nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung, tài sản cung, nợ chung không có, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Tố M cư trú tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; anh Nguyễn Văn N cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị M có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N. Chị M đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho chị M nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị M đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của chị Lê Thị Tố M là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn N.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tố M, sinh năm 1993 và anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số I/2013 ngày 01 tháng 4 năm 2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Tố M và anh Nguyễn Văn N là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Lê Thị Tố M, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị M, anh N hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến 05 tháng 6 năm 2013, thì chị M, anh N không còn sống chung cho đến nay và chị M, anh N đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[5] Về con chung: Chị Lê Thị Tố M xác định không có con chung với anh Nguyễn Văn N, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Tố M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Lê Thị Tố M là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Toà án, chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tố M và anh Nguyễn Văn N được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Tố M xác định không có con chung với anh Nguyễn Văn N, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Tố M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Tố M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0006257 ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Lê Thị Tố M đã nộp xong án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn